

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
TY01002: THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH (TERMINOLOGY)

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 2
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 1 (Lý thuyết 1 – Tự học 3)**
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
  - + Học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Tự học: 45 tiết (theo kế hoạch cá nhân)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Giải phẫu – Tổ chức – Phôi thai học
  - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành x		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>
				Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt X

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**

\* *Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
<b>Kiến thức chung</b> <b>CDR 1: Áp dụng</b> các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực thú y.	1.2. Áp dụng kiến thức khoa học xã hội (chính trị, kinh tế) và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực thú y
<b>Kỹ năng chung</b> <b>CDR 6: Làm việc nhóm</b> đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người lãnh đạo.	6.1. Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian trong quá trình làm việc nhóm
<b>CDR 7: Giao tiếp</b> đa phương tiện, đa văn hóa một cách hiệu quả; Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công việc; đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B1 theo qui định của Bộ GD&ĐT.	7.1. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh: giao tiếp học thuật và giao tiếp xã hội 7.5. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ B1

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b> Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>
<b>Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm</b>	
<b>CDR 14: Định hướng tương lai rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành thú y trong bối cảnh toàn cầu hóa.</b>	14.4. Thể hiện tinh thần học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành thú y trong bối cảnh toàn cầu hóa

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

#### \* Mục tiêu của học phần:

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về mối liên quan giữa tiếng Việt – tiếng Latinh – tiếng Anh – tiếng Pháp trong sinh y học; nguyên tắc hình thành các thuật ngữ thú y nói riêng và các thuật ngữ y sinh học nói chung dựa trên các quy tắc ngữ pháp Latinh; hỗ trợ học tiếng Anh, tiếng Pháp chuyên ngành thú y.
- Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng Đọc đúng, viết đúng, phân tích và hiểu: tên sinh vật (động vật, thực vật, vi sinh vật) nhãn thuốc, tên thuốc; nhãn tiêu bản động vật và nhãn tiêu bản cây thuốc, tên bệnh nội khoa, sản khoa, truyền nhiễm, ký sinh trùng; chỉ định thuốc; hình thành thói quen tra cứu hiểu gốc từ để hiểu bản chất của thuật ngữ chuyên môn; phát triển kỹ năng học từ vựng chuyên ngành (Latinh, tiếng Anh và tiếng Pháp) ... ; vận dụng kết hợp các kiến thức động vật học, vi sinh vật và bệnh học thông qua tiếp cận ngôn ngữ.
- Học phần hình thành cho sinh viên nhận thức tư duy logic và phân tích

#### \* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
TY01002	Thuật ngữ chuyên ngành	1.2	6.1	7.1	7.5	14.4

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được		CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
K1	Áp dụng các kiến thức của tiếng Latinh vào viết và phân tích các tên vi sinh vật, tên bệnh của động vật		1.2
<b>Kỹ năng</b>			
K2	Vận dụng kỹ năng sử dụng tiếng Latinh trong quá trình làm việc nhóm.		6.1

K3	Sử dụng tiếng Latinh để giao tiếp học thuật chuyên ngành Thú y.	7.2
K4	Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp chuyên ngành Thú y	7.5
<b>Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm</b>		
K5	Sẵn sàng học tập suốt đời	14.4

#### IV. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã TY01002. Thuật ngữ chuyên ngành (1TC: 1–0–3).

**Nội dung:** Học phần bao gồm các nội dung: (1) Chữ cái Latinh và cách phát âm, (2) Các khái niệm cơ bản về từ loại trong tiếng Latinh, mối quan hệ giữa tiếng Latinh-tiếng Anh-Tiếng Việt (3) Biến đổi của danh từ, tính từ (4) Các quy tắc viết thuật ngữ chuyên môn (tên vi sinh vật, ký sinh trùng, tên động vật, thực vật, tên bệnh...) và ứng dụng quy tắc tạo từ Latinh trong phát triển tiếng Anh, 3 tiếng Pháp chuyên ngành, (5) Phân tích thuật ngữ, (6) Nhãn thuốc và chỉ định thuốc bằng tiếng Latinh. **Phương pháp giảng dạy:** Sinh viên nghe giảng trên lớp kết hợp với tự học, tự tham khảo tài liệu và trao đổi với bạn bè, thầy cô. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần 10%, giữa kì 30%, thi cuối kì 60%.

#### V. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x				
Thảo luận	x	x	x	x	x
E-learning và MS Teams	x				

##### 2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng và thảo luận
- Làm bài tập
- E-learning: Tìm và tra cứu tài liệu

#### VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần và tham gia các hoạt động trên lớp (thảo luận trên lớp và trên e-learning...).
- Bắt buộc hoàn thành bài tập

- Thi cuối kì: bắt buộc sinh viên phải tham gia thi cuối kì theo lịch của ban Quản lý đào tạo bằng hình thức thi viết bài tự luận sau khi đã hoàn thành các nội dung trên.

## VII. Đánh giá và cho điểm

### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

Rubric 1. Đánh giá quá trình tham dự lớp 10%

Rubric 2. Đánh giá giữa kì 30%

Rubric 3. Đánh giá cuối kỳ 60%

### 3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
<b>Đánh giá quá trình (40%)</b>						
Rubric 1. Tham dự lớp (10%)					x	1-5
Rubric 2. Giữa kỳ (30%)	x	x	x	x	x	1-5
<b>Đánh giá cuối kì (60%)</b>						
Thi cuối kì (60%)	x					Theo lịch thi của Học viện

#### Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Chủ động tham gia, chủ động thảo luận	Tham gia đầy đủ, chưa chủ động trong trao đổi	Ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% thời lượng môn học	Tham dự 90% thời lượng môn học	Tham dự 80% thời lượng môn học	Tham dự dưới 70% thời lượng môn học

#### Rubric 2: Đánh giá giữa kì

Nội dung kiểm tra theo nhóm sinh viên	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua các câu hỏi
Tách âm tiết, từ loại	Hiểu khái niệm âm tiết, tách được âm tiết	K1
Viết và phân tích tên tiêu bản, tên sinh vật, nhãn hóa chất, nhãn thuốc với danh từ biến đổi kiểu 1	Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ (trong cột nội dung) đối với danh từ biến đổi kiểu 1	K1, K2, K3, K4, K5

Viết và phân tích tên tiêu bản, tên sinh vật, nhãn hóa chất, nhãn thuốc với danh từ biến đổi kiểu 2	Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ (trong cột nội dung) đối với danh từ biến đổi kiểu 2	K1, K2, K3, K4, K5
Viết và phân tích tên tiêu bản, tên sinh vật, nhãn hóa chất, nhãn thuốc với danh từ biến đổi kiểu 3	Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ (trong cột nội dung) đối với danh từ biến đổi kiểu 3. Viết và phân tích tên tiêu bản, tên bệnh, với danh từ biến đổi kiểu 4 và kiểu 5	K1, K2, K3, K4, K5
Viết và phân tích tên tiêu bản, tên bệnh, với danh từ biến đổi kiểu 4 và kiểu 5	Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ (trong cột nội dung) đối với danh từ	K1, K2, K3, K4, K5

### Đánh giá cuối kì

Hình thức thi Tự luận

**Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi dành cho thi cuối kì**

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Tách âm tiết. Chỉ báo 2: Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ chuyên ngành đối với danh từ biến đổi kiểu 1,2,3,4,5. Chỉ báo 3: Vận dụng được các quy tắc viết các thuật ngữ chuyên ngành với danh từ biến đổi kiểu 1, 2, 3, 4 và 5 kết hợp với các loại tính từ biến đổi kiểu 1,2,3 Chỉ báo 4: Viết và phân tích được tên vi sinh vật, tên ký sinh trùng, tên thuốc, hóa chất, tên bệnh, chỉ định thuốc trong Thủ y.

### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Làm bài tập đầy đủ
- Tham gia thảo luận bài tập đầy đủ
- Kiểm tra giữa kỳ: và thi hết học phần: bắt buộc tham dự
- Sinh viên có đầy đủ giáo trình/bài giảng của học phần và chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Yêu cầu về đạo đức: ăn mặc gọn gàng, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và nói chuyện riêng trong lớp.

### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

#### \* Sách giáo trình/Bài giảng:

Nguyễn Đinh Nhung, Nguyễn Bá Tiếp (2021). **Bài giảng Tiếng Latinh**

\* Tài liệu tham khảo khác:

1. Võ Văn Chuyên. Giáo trình tiếng La Tinh, NXB Y học, 1981 + Latin, WIKIBOOK, 300 trang, 2013 Địa chỉ truy cập <https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/c/c3/Latin.pdf> for pharmaceutical students + Charles E. Bennett. New Latin Grammar. (online version): <http://www.gutenberg.org/files/15665/15665-h/15665-h.htm->

### IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần

	Bài 1: Tiếng Latinh trong y sinh học (2 tiết)	
1	<p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: ( 2 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mở đầu</li> <li>- Chữ cái Latinh và phát âm</li> <li>- Từ loại tiếng Latinh</li> <li>- Mối quan hệ giữa tiếng Latinh với tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp</li> <li>- Tiếng Latinh và thuật ngữ y sinh học</li> </ul> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</b></p> <p>Tiếng Latinh trong y sinh học</p>	K1, K2, K3, K4
2	<p>Bài 2: Danh từ Latinh và từ vựng gốc Hy Lạp (4 tiết)</p> <p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: ( 4 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm của danh từ và kiểu biến đổi danh từ</li> <li>- Danh từ biến đổi kiểu 1</li> <li>- Danh từ biến đổi kiểu 2</li> <li>- Ứng dụng danh từ biến đổi kiểu 1 và danh từ biến đổi kiểu 2 trong thuật ngữ chuyên môn</li> </ul> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: ( 12 tiết)</b></p> <p>Danh từ Latinh và từ vựng gốc Hy Lạp</p>	K1, K2
3	<p>Bài 3: Danh từ biến đổi kiểu 3 (3 tiết)</p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm danh từ biến đổi kiểu 3</li> <li>- Ứng dụng danh từ biến đổi kiểu 3 trong thuật ngữ chuyên môn</li> </ul> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>Danh từ biến đổi kiểu 3</p>	K1, K2, K3, K4, K5
4	<p>Bài 4: Tính từ và ứng dụng trong thuật ngữ chuyên môn (3 tiết)</p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm của tính từ latin</li> <li>- Tính từ biến đổi kiểu 1 và 2</li> <li>- Tính từ biến đổi kiểu 3</li> <li>- Tính từ trong thuật ngữ chuyên môn</li> </ul> <p><b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b></p> <p>Tính từ và ứng dụng trong thuật ngữ chuyên môn</p>	K1, K2, K3, K4, K5
5	<p>Bài 5: Danh từ biến đổi kiểu 4- danh từ biến đổi kiểu 5 và các quy tắc viết thuật ngữ (3 tiết)</p> <p><b>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: ( 3 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh từ biến đổi kiểu 4</li> <li>- Danh từ biến đổi kiểu 5</li> <li>- Các quy tắc viết và phân tích tên sinh vật, tên thuốc, tên hóa chất, tên bệnh và nhãn thuốc</li> <li>- Kỹ năng tự phát triển từ vựng chuyên ngành</li> </ul>	K1, K2, K3, K4, K5

	<b>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b> Danh từ biến đổi kiều 4- danh từ biến đổi kiều 5 và các quy tắc viết thuật ngữ	K1, K2
--	--	--------

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phòng học lý thuyết: cơ sở vật chất đầy đủ cho việc dạy và học E-learning (máy chiếu, màn chiếu, loa cá nhân, bảng, phấn).
- Các phương tiện khác: máy tính có kết nối wifi để học trực tuyến.

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Bùi Trần Anh Đào

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Bá Tiếp

**GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC  
GS.TS. Phạm Văn Cường

**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN GIÁNG DẠY HỌC PHẦN**  
**Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên:Nguyễn Bá Tiệp	Học hàm, học vị:Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104-Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912659325
Email:nbtiep@vnua.edu.vn	Trangweb: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

**Giảng viên 2**

Họ và tên:Trần Thị Đức Tâm	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 104-Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam– Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email:ttdtam@vnua.edu.vn	Trangweb: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/">http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/</a>
Cách liên lạc với giảng viên:Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn	

**BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMD, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ**

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5
<b>DẠY VÀ HỌC</b>					
Thuyết giảng	x				
Thảo luận	x	x	x	x	x
E-learning và MS Teams	x				
<b>ĐÁNH GIÁ</b>					
Rubric 1. Quá trình tham dự lớp					x
Rubric 2. Giữa kỳ	x	x	x	x	x
Rubric 3: Thi cuối kỳ	x				

## CÁC ĐỢT CÁI TIẾN

- Lần 1: 7/2018: Cập nhật bài giảng
- Lần 2: 7/2019: Sử dụng hệ thống MS Team trong giảng dạy
- Lần 3: 7/2020: Sử dụng hệ thống MS Team trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập
- Lần 4: 7/2021: Cập nhật bài giảng
- Lần 5: 7/2022: Cập nhật bài giảng